

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường nối từ thôn Đồng Văn, xã Đồng Giáp – thôn Cốc Ca, xã Khánh Khê, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND huyện Văn Quan về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024;

Căn cứ Báo cáo số 05/BC-TTr-DGV ngày 31/7/2024 của Công ty TNHH MTV Danh Gia Vũ về việc Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế công trình: Đường nối từ thôn Đồng Văn, xã Đồng Giáp - thôn Cốc Ca, xã Khánh Khê, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Quan tại Tờ trình số 116/TTr-BQLDA, ngày 05/08/2024 và Thông báo kết quả thẩm định số 103/KT&HT-GT ngày 15/8/2024 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường nối từ thôn Đồng Văn, xã Đồng Giáp - thôn Cốc Ca, xã Khánh Khê, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Đường nối từ thôn Đồng Văn, xã Đồng Giáp - thôn Cốc

Ca, xã Khánh Khê, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

2. Địa điểm xây dựng: xã Đồng Giáp và xã Khánh Khê, huyện Văn Quan.

3. Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Quan.

4. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng tuyến đường nhằm phục vụ cho việc đi lại, sản xuất và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của Nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác nguồn lực, tiềm năng và tài nguyên sẵn có, tăng thu nhập cho Nhân dân.

5. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

a) Quy mô: Thiết kế tham khảo theo tiêu chuẩn đường giao thông thôn loại B miền núi (theo “TCVN 10380:2014/Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế”).

- **Nền, mặt đường:** Bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 4,0\text{m}$ (chưa kể bề rộng rãnh dọc); Mặt đường bê tông xi măng $B_{\text{mặt}} = 3,0\text{m}$.

- Lề đường $Bl = 2 \times 0,5\text{m}$, mở rộng những đoạn có bán kính nhỏ, dốc dọc lớn có chiều sâu đắp nền cao và các vị trí công trình.

- Điểm đầu tuyến thiết kế: Tại cọc D1 (Km0+00) nối tiếp đường BTXM giai đoạn trước; Điểm cuối tuyến thiết kế: Tại cọc D191 (Km5+362.39) đầu nối với đường huyện ĐH.59A tại Km11+320. Tổng chiều dài tuyến thiết kế: **5.362,39m**.

- **Kết cấu mặt đường bằng BTXM:** Lớp mặt BTXM - M250, đá (2x4)cm, dày 18cm; Lớp bạt dứa chống thấm; Lớp cấp phối đá dăm loại II dày 10cm; lớp đất nền đầm chặt $K = 0,95$.

b) Tiêu chuẩn kỹ thuật:

- Tốc độ thiết kế: 15Km/h; độ dốc dọc: $i_{\text{max}} = 13\%$, (Châm chước 15% những đoạn khó khăn).

- Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất: $R_{\text{min}} = 15\text{m}$. (Châm chước $R = 10\text{m}$ những đoạn cục bộ khó khăn về mặt bằng xây dựng).

- Bán kính đường cong lồi nhỏ nhất $R = 50\text{m}$; bán kính đường cong lõm nhỏ nhất $R = 50\text{m}$; bề rộng nền đường 4.0m (chưa kể rãnh dọc). Tại những vị trí khó khăn do vướng mặt bằng, công trình, nhà ở của nhân dân châm chước thiết kế theo hiện trạng nền đường nhưng vẫn thiết kế đủ mặt đường; bề rộng mặt đường 3.0m.

- Lề đường $Bl = 2 \times 0,5\text{m}$, mở rộng những đoạn có bán kính nhỏ, dốc dọc lớn có chiều sâu đắp nền cao và các vị trí công trình.

- Thiết kế dốc 1 mái, độ dốc ngang mặt đường 2%, dốc ngang lề đường 5% về phía vai đường.

- Độ dốc siêu cao $i = 5\%$ với đường cong có bán kính $R < 150\text{m}$, không thiết kế siêu cao với đường cong $R \geq 150\text{m}$. Không mở rộng mặt đường.

- Độ dốc mái ta luy đào: 1/0.3; 1/0.5 (tùy địa chất).

- Độ dốc mái ta luy đắp 1/1.0; 1/1.5 (tùy địa hình để hạn chế chiếm dụng);

rãnh dọc rộng 0.8m, sâu 0,3m, đáy rộng 0,3m.

c) Công trình thoát nước ngang thoát nước tại các vị trí cọc sau: Cọc P9; P15; TC20; P26; P45; 25; 26; P58; P64; TD79;TC85;P90; TC95; TD105; TC117; TC127; P133; 66;TC141;TC149; TD156; TC166; P169; TD177; TC186; 90.

- **Kết cấu công tròn:** Đầu công thượng lưu và hạ lưu xây bằng đá hộc vữa XM M100; ống công D100 bằng BTCT – M300, có chiều dày 10cm; ống công D80 bằng BTCT – M300, có chiều dày 8cm; ống công D30 bằng BTCT – M300, có chiều dày 6cm; mỗi nối công sử dụng mỗi nối lồng ghép; móng công: Đệm đá dăm (2x4)cm dày 30cm khi dốc lòng công $\leq 6\%$; Móng công : Đá hộc xây VXM - M100 dày 30cm khi dốc lòng công $>6\%$; sân công gia cố bằng đá hộc vữa XM - M100.

- **Kết cấu công bản:** Bê tông tấm dầy, BTCT-M250, đá (1x2)cm; bê tông mũ mố, BTCT-M250, đá (1x2)cm; thân công, BTXM-M200, đá (2x4)cm, dày 40cm; móng công, BTXM-M200, đá (2x4)cm, dày 40cm.

d) Thoát nước dọc: Thiết kế gia cố rãnh dọc thoát nước bằng BTXM với các vị trí có độ dốc dọc 15%, cụ thể tại các lý trình cụ thể như sau: đoạn từ cọc TC16-P20; TD21-TC24; P21-TC23; TD117-P124+5,57m; 64-P142; TC145-72; TC147-TD149; P150-72; 72-P156 ;72-P155.

- **Kết cấu:** Đáy rãnh bằng BTXM-M200, đá (1x2)cm, dày 10cm, rộng 30cm; thành rãnh bằng BTXM-M200, đá (1x2)cm, dày 10cm, rộng 25cm; lớp Nilon chống thấm; lớp đất nền.

e) Công trình phòng hộ, an toàn giao thông:

- **Xây dựng kè:** Trên tuyến thiết kế xây dựng kè tại các vị trí lý trình cụ thể như sau: đoạn từ cọc P52 (Km1+338,67) đến cọc 26 (Km1+352,94) TK kè chắn taluy dương kết hợp rãnh dọc bằng đá hộc xây VXM-M100 để bảo vệ công trình nhà ở của dân; Đoạn kè dài 14,27m được chia thành 2 đơn nguyên, đơn nguyên 1 dài 7,53m, đơn nguyên 2 dài 6,72m, giữa các đơn nguyên bố trí khe phòng lún rộng 2,0cm; đoạn từ cọc 77-2,46m (Km4+897,35) đến cọc 79 (Km4+927,35) TK kè chắn taluy dương kết hợp rãnh dọc bằng đá hộc xây VXM-M100 để bảo vệ khu mộ; đoạn kè dài 30,0m được chia thành 5 đơn nguyên, mỗi đơn nguyên dài 6,00m giữa các đơn nguyên bố trí khe phòng lún rộng 2,0cm; đoạn từ cọc P176 (Km4+996,82) đến cọc TC176+4,8m (Km4+980,82) TK kè chắn taluy dương kết hợp rãnh dọc bằng đá hộc xây VXM-M100 để bảo vệ khu mộ; Đoạn kè dài 14,00m được chia thành 2 đơn nguyên, mỗi đơn nguyên dài 7,00m giữa các đơn nguyên bố trí khe phòng lún rộng 2,0cm.

- **Kết cấu kè:** Móng kè bằng đá hộc xây VXM-M100; thân kè bằng đá hộc xây VXM-M100; từ đỉnh móng kè lên 50cm bố trí đặt 1 đoạn ống thoát nước PVC-D60mm dốc 10% hướng ra ngoài, các đoạn ống đặt cách nhau 2,0m.

f) Gia cố lề:

- Trên tuyến đoạn từ cọc TC16 (Km0+423,70) đến cọc TC24 (Km0+657,25) TK gia cố lề bằng BTXM bên trái tuyến để bảo vệ nền đường, chiều dài L= 233,56m.

- Trên tuyến đoạn từ cọc TC19 (Km0+498,91) đến cọc TC23 (Km0+630,29) TK gia cố lề bằng BTXM bên phải tuyến để bảo vệ nền đường, chiều dài L= 131,38m.

- Trên tuyến đoạn từ cọc TD117 (Km3+364,96) đến cọc P124+5,57m (Km3+510,03) TK gia cố lề bằng BTXM bên trái tuyến để bảo vệ nền đường, chiều dài L= 145,00m.

- Trên tuyến đoạn từ cọc 64(Km3+917,05) đến cọc P142(KM4+089,00) TK gia cố lề bằng BTXM bên trái tuyến để bảo vệ nền đường, chiều dài L= 171,96m.

- Trên tuyến đoạn từ cọc D136(Km3+962,29) đến cọc P139(KM4+019,96) TK gia cố lề bằng BTXM bên phải tuyến để bảo vệ nền đường, chiều dài L= 57,67m.

- Trên tuyến đoạn từ cọc TD141 (Km4+063,29) đến cọc P142 (KM4+089,00) TK gia cố lề bằng BTXM bên phải tuyến để bảo vệ nền đường, chiều dài L= 26,01m.

- Trên tuyến đoạn từ cọc TC145 (Km4+176,76) đến cọc 72 (KM4+355.42) TK gia cố lề bằng BTXM bên trái tuyến để bảo vệ nền đường, chiều dài L= 178,66m.

- Trên tuyến đoạn từ cọc TC146(Km4+224,11) đến cọc TC147 (Km4+252.21) TK gia cố lề bằng BTXM bên phải tuyến để bảo vệ nền đường, chiều dài L= 28,11m.

- Trên tuyến đoạn từ cọc TC147 (Km4+252,21) đến cọc TD149 (Km4+277.12) TK gia cố lề bằng BTXM bên phải tuyến để bảo vệ nền đường, chiều dài L= 30,00m.

- Trên tuyến đoạn từ cọc TD149 (Km4+277,12) đến cọc P150 (Km4+295,51) TK gia cố lề bằng BTXM bên phải tuyến để bảo vệ nền đường, chiều dài L= 18,39m.

- Trên tuyến đoạn từ cọc P150 (Km4+295,51) đến cọc 72 (Km4+355,42) TK gia cố lề bằng BTXM bên phải tuyến để bảo vệ nền đường, chiều dài L= 60,00m.

- Trên tuyến đoạn từ cọc 72(Km4+355,42) đến cọc P156(Km4+431,98) TK gia cố lề bằng BTXM bên trái tuyến để bảo vệ nền đường, chiều dài L= 76,56m.

- Trên tuyến đoạn từ cọc 72(Km4+355,42) đến cọc P155(Km4+415,07) TK gia cố lề bằng BTXM bên phải tuyến để bảo vệ nền đường, chiều dài L= 60,00m.

- Trên tuyến đoạn từ cọc P155 (Km4+415,07) đến cọc P156 (Km4+431,98) TK gia cố lề bằng BTXM bên phải tuyến để bảo vệ nền đường, chiều dài L= 16,91m.

- Trên tuyến đoạn từ cọc 81 (Km4+982,61) đến cọc TD177(Km5+011.35) TK gia cố lề bằng BTXM bên trái tuyến để bảo vệ nền đường, chiều dài L= 28,75m.

- Trên tuyến đoạn từ cọc 81 (Km4+982,61) đến cọc TC177(Km5+025,75) TK gia cố lề bằng BTXM bên phải tuyến để bảo vệ nền đường, chiều dài L=

43,14m.

- Kết cấu gia cố lề theo kết cấu mặt đường: Lớp mặt BTXM - M250, đá (2x4)cm, dày 18cm; lớp bạt dứa chống thấm; lớp cấp phối đá dăm loại II dày 10cm; lớp đất nền đầm chặt $K = 0,95$; khe biến dạng bố trí theo mặt đường;

g) Chân khay + ốp mái ta luy:

- Trên tuyến đoạn từ cọc TC20 (Km0+512,77) đến cọc TD21 (Km0+538,66) TK chân khay + ốp mái ta luy bên trái tuyến bằng BTXM để bảo vệ nền đường, chiều dài $L = 25,88m$.

- Trên tuyến đoạn từ cọc TD20 (Km0+499,24) đến cọc P21 (Km0+545,87) TK chân khay + ốp mái ta luy bên phải tuyến bằng BTXM để bảo vệ nền đường, chiều dài $L = 46,87m$.

- Trên tuyến đoạn từ cọc D136(Km3+962,29) đến cọc P139(Km4+019,96) TK chân khay + ốp mái ta luy bên phải tuyến bằng BTXM để bảo vệ nền đường, chiều dài $L = 54,66m$.

- Trên tuyến đoạn từ Cọc P141(Km4+071,38) đến Cọc P142-4,3m(Km4+083,84) TK công kết hợp + ốp mái ta luy bên trái tuyến bằng BTXM để bảo vệ nền đường, chiều dài $L = 12,46m$.

- Trên tuyến đoạn từ Cọc P141-1,62m(Km4+069,76m) đến Cọc P142-2,38(Km4+085,76) TK công kết hợp + ốp mái ta luy bên phải tuyến bằng BTXM để bảo vệ nền đường, chiều dài $L = 16,00m$.

- Trên tuyến đoạn từ cọc TC155-3m(Km4+418,94) đến cọc P156+4m(Km4+435,98) TK chân khay + ốp mái ta luy bên phải tuyến bằng BTXM để bảo vệ nền đường, chiều dài $L = 9,80m$.

- Trên tuyến đoạn từ cọc 81(Km4+982,61) đến cọc TD177(Km5+011,35) TK chân khay + ốp mái ta luy bên trái tuyến bằng BTXM để bảo vệ nền đường, chiều dài $L = 27,80m$.

- Trên tuyến đoạn từ cọc 81+1m(Km4+983,61) đến cọc TC177(Km5+025,75) TK chân khay + ốp mái ta luy bên phải tuyến bằng BTXM để bảo vệ nền đường, chiều dài $L = 34,60m$.

- Kết cấu chân khay + ốp mái như sau: Chân khay bằng BTXM-M200, (đá 2x4)cm, kích thước (100x30)cm; ốp mái ta luy bằng BTXM-M200, (đá 2x4)cm, dày 15cm; lớp NiLông chống thấm; ống thoát nước PVC-D60mm.

h) Đoạn tránh xe:

Do khó khăn về mặt bằng nên tận dụng đoạn đường đào để làm đoạn tránh xe trên tuyến, cụ thể như sau:

- Đoạn từ cọc 4 (Km0+84,97) đến cọc TC4 (Km0+129,12) tận dụng phần lề đường bên phải làm đoạn tránh xe.

- Đoạn từ cọc TC23 (Km0+630,29) đến cọc P26 (Km0+712,74) tận dụng phần lề đường bên phải làm đoạn tránh xe.

- Đoạn từ cọc TC40 (Km1+037,64) đến cọc P48 (Km1+237,39) tận dụng phần lề đường bên phải làm đoạn tránh xe.

- Đoạn từ cọc P57 (Km1+504,68) đến cọc P64 (Km1+674,09) tận dụng phần lề đường bên phải làm đoạn tránh xe.

- Đoạn từ cọc P69 (Km1+824,90) đến cọc TD73 (Km1+937,59) tận dụng phần lề đường bên phải làm đoạn tránh xe.

- Đoạn từ cọc P79 (Km2+198,25) đến cọc D81 (Km2+317,86) tận dụng phần lề đường bên phải làm đoạn tránh xe.

- Đoạn từ cọc 45 (Km2+694,89) đến cọc TC94 (Km2+725,72) tận dụng phần lề đường bên phải làm đoạn tránh xe.

- Đoạn từ cọc P104 (Km3+079,28) đến cọc 50 (Km3+198,38) tận dụng phần lề đường bên phải làm đoạn tránh xe.

- Đoạn từ cọc P142 (Km4+089,00) đến cọc P144 (Km4+132,55) tận dụng phần lề đường bên phải làm đoạn tránh xe.

- Đoạn từ cọc TC171 (Km4+800,94) đến cọc TC173 (Km4+849,61) tận dụng phần lề đường bên phải làm đoạn tránh xe.

i) Biển báo hiệu:

Trên tuyến thiết kế đặt biển báo hiệu phù hợp với điều kiện địa hình và yêu cầu của cấp đường. Chi tiết thống kê phương án đặt biển báo hiệu như sau:

STT	Tên biển	Loại biển	Kí hiệu	Ghi chú
1	Biển chỉ dẫn	Hình chữ nhật	I.414a	03 biển
2	Biển cảnh báo	Hình tam giác	W.208	01 biển
3	Biển cảnh báo	Hình tam giác	W.207b	01 biển
4	Biển cảnh báo	Hình tam giác	W.207c	01 biển
5	Biển cảnh báo	Hình tam giác	W.219	01 biển
6	Biển cảnh báo	Hình tam giác	W.220	01 biển
7	Biển báo cấm	Hình tròn	P.115	01 biển

6. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông - Cấp IV.

7. Tổng mức đầu tư: 14.807.316.195,0 đồng (Bằng chữ: Mười bốn tỷ tám trăm linh bảy triệu ba trăm mười sáu nghìn một trăm chín mươi năm đồng).

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	12.822.183.385	đồng
Chi phí QLDA:	343.634.515	đồng
Chi phí tư vấn đầu tư:	1.003.604.846	đồng
Chi phí khác:	412.930.825	đồng

Chi phí dự phòng: 224.962.624 đồng

8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ngân sách huyện.

9. Hình thức quản lý dự án: chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2024-2025.

Điều 2. Chủ đầu tư công trình có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch; Kinh tế và Hạ tầng; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện; Chủ tịch UBND xã Đồng Giáp, xã Khánh Khê và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Phong Lan